

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Huy Hoàng

Bà Nguyễn Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Cao Lâm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị G; có vợ là Phạm Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07 tháng 11 năm 2017 đến ngày 09 tháng 11 năm 2017 chuyển tạm giam. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn S (chú ruột của bị hại) sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng (ông S được các cô chú ruột của bị hại uỷ quyền giải quyết các vấn đề dân sự liên quan đến cái chết của bị hại). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Phạm Thị H sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người làm chứng:

- + Chị Vũ Thị L, có mặt;
- + Anh Ninh Văn Đ, có mặt;
- + Ông Vũ Thế V, vắng mặt;
- + Ông Vũ Văn N, có mặt;
- + Ông Vũ Văn H, vắng mặt;
- + Bà Ninh Thị D, vắng mặt;
- + Bà Nguyễn Thị L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V – em trai của bị cáo Nguyễn Văn T thường xuyên uống rượu say, chửi bới và đe dọa giết T và vợ con T nên T phải đưa vợ là chị Phạm Thị H cùng các con về quê ở thôn AĐ, xã AT, huyện TK, tỉnh Hải Dương sinh sống. Tối ngày 06 tháng 11 năm 2017, T và V ăn cơm cùng nhau, ăn xong anh V tiếp tục chửi bới, đe dọa T. Đến khoảng 6 giờ ngày 07 tháng 11 năm 2017, T ngủ dậy thì thấy anh V cầm 01 chiếc xẻng phần cán bằng gỗ dài 1,07m, đường kính 3,3cm, phần lưỡi kim loại dài 30cm dùng để xúc cát tiến về phía T, sợ anh V đánh nên T đi vào trong nhà dọn dẹp, đến khoảng 6 giờ 15 phút cùng ngày T dắt xe máy đi làm thì V đi đến cầm 01 chiếc cào dài 90cm, đầu cào có 5 răng nhọn giơ lên định đánh T, T chạy ra phía trước cửa nhà đang xây lấy hai thanh kim loại (loại thanh giằng dùng cho giáo xây dựng), mỗi thanh dài 2m được nối với nhau bằng chốt ở giữa, đi đến đứng đối diện với anh V. T dùng 2 tay cầm thanh kim loại giơ lên đập liên tiếp 3 - 4 nhát vào đầu anh V, T tiếp tục đập vào đầu anh V, anh V giơ tay lên đỡ thì bị rơi cào, sau đó anh V lùi lại phía sát tường bao và ngã ngối bệt xuống nền sân, T cầm hai thanh kim loại đập liên tiếp vào tay anh V, anh V ngã nằm ngửa xuống sân thì bị T cầm hai thanh kim loại đập vào chân. Lúc này bà Vũ Thị L - sinh năm 1970, là hàng xóm của T chạy đến đứng bên ngoài tường bao dùng tay giằng hai thanh kim loại trên tay T vứt đi, T tiếp tục nhặt nửa viên gạch vỡ ở sân ném vào mặt anh V, hậu quả anh V bị chết tại chỗ. Sau đó T gọi điện thoại nói với vợ là chị Phạm Thị H bảo lấy tiền tiết kiệm của T lo cho anh V rồi đến Công an xã Q, huyện A đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số 218/2017 – GĐPY ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Nạn nhân chết do choáng do đa chấn thương.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-P2 ngày 08 tháng 02 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết

người” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung vụ án nêu trên.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 2 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt bị cáo: 09 năm tù đến 10 năm tù.

- Phân bồi thường dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã bảo vợ lấy 2.000.000 đồng là tiền của bị cáo để cùng với gia đình lo mai táng cho anh Nguyễn Văn V. Tại phiên toà, đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ toàn bộ vật chứng của vụ án.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin pháp luật khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn T là anh em ruột, Nguyễn Văn V thường xuyên uống rượu say, chửi bới, đe dọa giết T, T đã nhiều lần né tránh. Khoảng 6 giờ 15 phút ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại nhà Nguyễn Văn T ở thôn ĐN, xã Q, Huyện A, khi T dắt xe máy đi làm, anh V cầm chiếc cào định đánh T thì T đã có hành vi nhặt 02 thanh kim loại (loại giằng giáo xây dựng) vút nhiều nhát vào đầu, chân, tay anh V. Khi bị bà Vũ Thị L giằng được thanh kim loại vút đi, T nhặt nửa viên gạch vỡ ném vào mặt anh V, hậu quả anh V bị chết tại chỗ. Hành vi của bị cáo được thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018, nên có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người” theo Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Theo đó, tội phạm Giết người được quy định tại Điều 123, tuy nhiên có thêm khoản 3 “người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”. Do đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội phạm “Giết người” được xác định có mức hình phạt nặng hơn quy định tại Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, áp dụng Điều 93 Bộ luật Hình sự 1999 để xử lý bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Trong vụ án này bị hại Nguyễn Văn V đã có lỗi một phần và cũng là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đánh giá tính chất vụ án

[5] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những đã tước đoạt tính mạng người khác, gây đau thương cho chính gia đình bị cáo và nạn nhân (vì bị cáo và nạn nhân là anh em ruột thịt) mà còn xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, trong cộng đồng làng xóm, đòi hỏi pháp luật phải xử lý nghiêm.

- Về hình phạt:

[6] Sau khi đã được can ngăn nhưng bị cáo vẫn dùng nửa viên gạch vỡ ném vào mặt bị hại, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” được quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[7] Sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú; bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có chú ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, được tặng Huân chương chiến công hạng nhì do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015).

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần xét xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ:

[9] 01 nửa viên gạch vỡ; 02 thanh kim loại được sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015) và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy;

[10] 01 áo khoác nam màu xanh sẫm; 01 áo len cổ tim màu đỏ; 01 quần vải màu đen; 01 chiếc cào; 01 thuổng; 01 chiếc xẻng là tài sản của bị cáo, bị cáo đề nghị không nhận lại và là tài sản không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về trách nhiệm dân sự:

[11] Người đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[12] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015), xử phạt: Nguyễn Văn T 10 (Mười) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 07 tháng 11 năm 2017).

Về vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử: Tịch thu tiêu hủy 01 nửa viên gạch vỡ; 02 thanh kim loại; 01 áo khoác nam màu xanh

sẫm; 01 áo len cổ tim màu đỏ; 01 quần vải màu đen; 01 chiếc cào; 01 thương; 01 chiếc xẻng.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội;
 - VKSND thành phố Hải Phòng;
 - Công an thành phố Hải Phòng;
 - Cục THADS thành phố Hải Phòng;
 - Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
 - Bị cáo;
 - Những người tham gia tố tụng khác;
 - Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án
- TAND thành phố Hải Phòng;
- PV 27, trại tạm giam Công an TPHP;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thành Ngọc